

SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NINH

Tầng 14, trụ sở Liên cơ quan số 3, Phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, MỨC CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG HỖ TRỢ ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2024/QĐ-UBND NGÀY 13/9/2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH



Ảnh: Internet

QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, MỨC CHO VAY ƯU ĐÃI

Thời điểm thực hiện: Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm (Điều 2 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND):

Doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở đăng ký/văn phòng đại diện và có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn.

2. Điều kiện cho vay vốn đối với Doanh nghiệp, hợp tác xã (Điều 3 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND):

a) Được cấp giấy đăng ký và hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn nơi thực hiện dự án.

b) Có dự án vay vốn khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh; có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định nơi thực hiện dự án.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, vay vốn phát triển các sản phẩm OCOP: có sản phẩm được UBND cấp huyện Quyết định chấp thuận tham gia Chu trình OCOP hoặc có sản phẩm được cấp có thẩm quyền chứng nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (còn hiệu lực theo quy định).

d) Có bảo đảm tiền vay khi vay vốn theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng chính sách xã hội.



(ảnh: Internet)

3. Các nội dung hỗ trợ vay vốn (Điều 4 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND):

1. Phát triển sản xuất, thu mua, chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, tạo việc làm, ổn định sinh kế

a) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; sản xuất theo hướng phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa; sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất theo cộng đồng, sản xuất theo các ngành nghề truyền thống.

b) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.

c) Vay vốn để đầu tư tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hóa của các tổ chức, cá nhân.

d) Đầu tư các hoạt động hậu cần đánh bắt thủy sản, hoạt động đánh bắt thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản.

đ) Vay vốn để sản xuất thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, mây tre đan sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc từ nông, lâm nghiệp.

2. Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP)

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

b) Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

d) Đầu tư trung tâm, cửa hàng, điểm trưng bày, giới thiệu và mua bán sản phẩm OCOP bao gồm biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP.



(ảnh: Internet)

4. Quy định về mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và điều kiện bảo đảm tiền vay (Điều 5 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND)

1. Mức cho vay

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.



(ảnh: Internet)

2. Lãi suất cho vay

a) Đối tượng là hộ nghèo: bằng lãi suất cho

vay Hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

b) Các đối tượng còn lại: bằng lãi suất cho vay Hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

c) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.



(ảnh: Internet)

3. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do ngân hàng chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để thỏa thuận.

4. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 100 triệu đồng, Doanh nghiệp, hợp tác xã phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.